

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2019/KDTM**

Ngày: 23/7/2019

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Đức Minh

Bà Đặng Thị Nhác

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thạch Thị Hằng – Cán bộ Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên không tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên tiến hành xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2019/TLST - KDTM ngày 18 tháng 03 năm 2019 về việc: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXX - ST ngày 18/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐ-HPT ngày 05/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X; Trụ sở: Số X, phường Y, quận Z. TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T– Cán bộ xử lý nợ (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty Y; trụ sở: Số K, phường M, quận N, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức Minh L – Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng X trình bày với nội dung:

Về việc ký kết Hợp đồng tín dụng: Giữa Ngân hàng X (sau đây gọi tắt là X) và Công ty Y (sau đây gọi tắt là Công ty Y) có ký kết các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 200616-2814895-01-SME ngày 22/06/2016: X đồng ý cấp cho Công ty Y hạn mức tín dụng là: 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), chi tiết các lần giải ngân theo các khế ước nhận nợ sau:

+ Khế ước nhận nợ số 220616-2814895-01-SME ngày 22/06/2016, số tiền nhận nợ: 1.080.000.000 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 290616-2814895-01-SME ngày 29/06/2016 số tiền nhận nợ: 634.000.000 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 200716-2814895-01-SME ngày 20/07/2016 số tiền nhận nợ: 190.000.000 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 150816-2814895-01-SME ngày 15/08/2016 số tiền nhận nợ: 192.000.000 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 310816-2814895-01-SME ngày 31/08/2018 số tiền nhận nợ: 190.000.000 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 061016-2814895-01-SME ngày 06/10/2016 số tiền nhận nợ: 150.000.000 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 251016-2814895-01-SME ngày 25/10/2016 số tiền nhận nợ: 230.000.000 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 251116-2814895-01-SME ngày 25/11/2016 số tiền nhận nợ: 260.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty Y đã trả được cho X số nợ gốc là 975.700.792 đồng; số nợ lãi là: 147.264.762 đồng. Số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/5/2019 là: 3.674.076.394 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.950.299.208 đồng, nợ lãi: 1.286.581.399 đồng; phạt chậm trả: 437.195.787 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 230516-2814895-01-SME ngày 24/05/2016 và khế ước nhận nợ lần/số 230516-2814895-01-SME ngày 25/05/2016, X giải ngân cho Công ty Y số tiền là: 417.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty Y đã trả cho X số nợ gốc là 143.507.563 đồng; số nợ lãi là: 22.517.061 đồng. Số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/5/2019 là: 417.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc: 273.492.437 đồng, nợ lãi: 121.141.162 đồng; phạt chậm trả 27.756.132 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Thaco Ollin, BKS: 29C-906.29, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 219435 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 29/05/2016 cấp cho Công ty Y, xác lập thế chấp tại X theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 230516-2814895-01-SME/TC ngày 24/05/2016.

Ngày 2/8/2017, ông Lê Đức Minh L đã tự nguyện bảo giao xe ô tô nói trên cho X để xử lý theo quy định pháp luật. Hết thời hạn ghi trong biên bản bàn giao xe, Công ty Y vẫn không thu xếp được tài chính trả toàn bộ khoản nợ tại X và nhận bàn giao lại tài sản; X đã tiến hành bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ. Ngày 22/11/2017, Công ty CP Bán đấu giá Sao Việt đã bán đấu giá thành tài sản nói trên với giá: 332.000.000 đồng. Số tiền bán đấu giá tài sản, sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến tài sản (Vận chuyển, trông giữ, định giá, bán đấu giá) là: 27.102.000 đồng; số tiền còn lại được hạch toán thu: 230.870.437 đồng vào tiền nợ thẻ tín dụng số 116-C-642771 ngày 07/11/2016 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/11/2016; phần còn lại thu vào khế ước nhận nợ lần/số 230516-2814895-01-SME ngày 25/05/2016 số tiền: 74.027.563 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 110716-2814895-01-SME ngày 13/07/2016 và khế ước nhận nợ lần/số 110716-2814895-01-SME ngày 15/07/2016, X giải ngân cho Công ty Y số tiền là: 504.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty Y đã trả được cho VP bank số nợ gốc là 33.600.000 đồng; số nợ lãi là: 18.638.110 đồng. Số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/5/2019 là: 699.789.417 đồng, trong đó: nợ gốc: 470.400.000 đồng, nợ lãi: 188.272.673 đồng; phạt chậm trả 41.116.744 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu ISUZU, BKS: 29C-914.38, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 221265 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 08/07/2016 cho Công ty Y, xác lập thế chấp tại X theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 110716-2814895-01-SME/TC ngày 13/07/2016 (đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật).

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng VP bank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty Y phải thanh toán cho X toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản chi phí phát sinh liên quan; tạm tính đến ngày 30/5/2019, khoản tiền này là:

+ Nợ gốc: 2.694.191.645 đồng

+ Nợ lãi và phạt chậm trả lãi: 2.102.063.897 đồng

Tổng cộng: 4.796.255.542 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng).

- Công ty Y tiếp tục phải chịu lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi Công ty Y thanh toán hết nợ cho X.

- Trong trường hợp Công ty Y không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, cụ thể: 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu ISUZU, BKS: 29C-914.38, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 221265 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 08/07/2016 cấp cho Công ty Y.

* Bị đơn – Công ty Y: Vắng mặt tại Tòa án, không có tự khai, Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán trả nguyên đơn số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 23/7/2019 là 4.386.828.998 đồng, bao gồm: nợ gốc: 2.694.191.645 đồng, nợ lãi: 1.692.637.353 đồng. Rút yêu cầu đòi phạt chậm trả lãi số tiền: 568.697.819 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện khác như đã khai tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đường lối giải quyết vụ án.

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: X và Công ty Y có ký kết 03 Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 200616-2814895-01-SME ngày 22/06/2016 (không có tài sản bảo đảm), Hợp đồng tín dụng số 230516-2814895-01-SME ngày 24/05/2016 (tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu Thaco Ollin đã bán đấu giá tài sản) và Hợp đồng tín dụng số 110716-2814895-01-SME ngày 13/07/2016 (tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu ISUZU, BKS: 29C-914.38) và các khế ước nhận nợ kèm theo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc X rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi số tiền phạt chậm trả lãi: 568.697.819 đồng; buộc Công ty Y phải thanh toán cho X số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 23/7/2019 là: 4.386.828.998 đồng, bao gồm: nợ gốc: 2.694.191.645 đồng, nợ lãi: 1.692.637.353 đồng. Trong trường hợp Công ty Y không trả được khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 110716-2814895-01-SME ngày 13/07/2016 và khế ước nhận nợ kèm theo, Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp là 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu ISUZU, BKS: 29C-914.38, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 221265 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 08/07/2016 cấp cho Công ty Y, xác lập thế chấp tại X theo Hợp đồng thế chấp

xe ô tô số 110716-2814895-01-SME/TC ngày 13/07/2016 (đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật ngày 13/7/2016) để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 10/9/2018, X nộp đơn khởi kiện “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn - Công ty Y. Theo Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên và theo cung cấp của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội, tại thời điểm người khởi kiện nộp đơn khởi kiện, Công ty Y có địa chỉ trụ sở chính tại: số 49, ngõ 102 đường Ngọc Thụy, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Kết quả xác minh tại Công an phường Ngọc Thụy thể hiện: Tại địa chỉ Số K, phường M, quận N, TP Hà Nội, hiện không có Công ty Y hoạt động và không gắn biển Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty không sinh sống tại địa chỉ trên. Hiện Công ty và người đại diện theo pháp luật của Công ty chuyển đi đâu hoạt động và sinh sống địa phương không nắm được. Theo cung cấp của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội tại Công văn số 382/CCTT-ĐKKD ngày 27/02/2019: Bị đơn - Công ty Y là Công ty TNHH một thành viên do ông Lê Đức Minh L là Chủ sở hữu Công ty, Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty chưa đăng ký thủ tục giải thể, tạm ngừng hoạt động, chuyển đổi loại hình hay sáp nhập, chia tách doanh nghiệp.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi có trụ sở cuối cùng của Công ty Y và nơi cư trú cuối cùng của ông Lê Đức Minh L - người đại diện theo pháp luật của Công ty. Việc Công ty Y thay đổi trụ sở hoạt động gắn với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi hoạt động mới theo Điều 79 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án giải quyết theo quy định chung và niêm yết các văn bản tố tụng đối với Công ty Y.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử

vắng mặt bị đơn và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết; bị đơn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc vắng mặt của mình.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi số tiền phạt chậm trả lãi: 568.697.819 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi:

Hội đồng xét xử nhận thấy: X và Công ty Y có ký kết 03 Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 200616-2814895-01-SME ngày 22/06/2016; Hợp đồng tín dụng số 230516-2814895-01-SME ngày 24/05/2016 và Hợp đồng tín dụng số 110716-2814895-01-SME ngày 13/07/2016 và các khế ước nhận nợ kèm theo như nguyên đơn trình bày. Các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (sau đây gọi là Quyết định 1627); Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng nên có hiệu lực pháp luật. X đã giải đầy đủ số tiền gốc. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên trong các hợp đồng tín dụng, X khởi kiện yêu cầu Công ty Y thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 11, khoản 2 Điều 13 và Điều 25 Quyết định 1627; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử buộc Công ty Y phải thanh toán cho X nợ gốc và nợ lãi cụ thể như sau:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 200616-2814895-01-SME ngày 22/06/2016: X đồng ý cấp cho Công ty Y hạn mức tín dụng là: 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), chi tiết các lần giải ngân theo 8 khế ước như nguyên đơn trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Y đã trả được cho X số nợ gốc là 975.700.792 đồng; số nợ lãi là: 147.264.762 đồng. Số tiền nợ gốc và lãi chưa thanh toán theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 200616-2814895-01-SME

ngày 22/06/2016 và các khế ước nhận nợ kèm theo tạm tính đến hết ngày 23/7/2019 là: 3.315.428.908 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.950.299.208 đồng, nợ lãi: 1.365.129.700 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 230516-2814895-01-SME ngày 24/05/2016 và khế ước nhận nợ lần/số 230516-2814895-01-SME ngày 25/05/2016, X giải ngân cho Công ty Y số tiền là: 417.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Thaco Ollin, BKS: 29C-906.29, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 219435 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 29/05/2016 cấp cho Công ty Y, xác lập thế chấp tại X theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 230516-2814895-01-SME/TC ngày 24/05/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Y đã thanh toán cho X số tiền gốc là: 69.480.000 đồng và tiền lãi là: 22.517.061 đồng. Ngày 2/8/2017, ông Lê Đức Minh L đã tự nguyện bảo giao xe ô tô nói trên cho X để xử lý theo quy định pháp luật. Hết thời hạn ghi trong biên bản bàn giao xe, Công ty Y vẫn không thu xếp được tài chính trả toàn bộ khoản nợ tại X và nhận bàn giao lại tài sản; X đã tiến hành bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ. Ngày 22/11/2017, Công ty CP Bán đấu giá Sao Việt đã bán đấu giá thành tài sản nói trên với giá: 332.000.000 đồng. Số tiền bán đấu giá tài sản, sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến tài sản (Vận chuyển, trông giữ, định giá, bán đấu giá) (27.102.000 đồng) và thu: 230.870.437 đồng vào tiền nợ thẻ tín dụng số 116-C-642771 ngày 07/11/2016 theo thỏa thuận giữa hai bên tại điểm f khoản 1 Điều 11 Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/11/2016 (tổng cộng là: 257.972.437 đồng); phần còn lại thu vào khế ước nhận nợ lần/số 230516-2814895-01-SME ngày 25/05/2016 số tiền: 74.027.563 đồng. Như vậy, tính đến hết ngày 23/7/2019, Công ty Y còn nợ X tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 230516-2814895-01-SME ngày 24/05/2016 và khế ước nhận nợ kèm theo tổng cộng là: 401.402.537 đồng; trong đó: nợ gốc: 273.492.437 đồng, nợ lãi: 121.141.162 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 110716-2814895-01-SME ngày 13/07/2016 và khế ước nhận nợ lần/số 110716-2814895-01-SME ngày 15/07/2016, X giải ngân cho Công ty Y số tiền là: 504.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty Y đã trả được cho X số nợ gốc là 33.600.000 đồng; số nợ lãi là: 18.638.110 đồng. Số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 110716-2814895-01-SME ngày 13/07/2016 và khế ước nhận nợ kèm theo tạm tính đến hết ngày 23/7/2019 là: 669.997.553 đồng, trong đó: nợ gốc: 470.400.000 đồng, nợ lãi: 199.597.553 đồng.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày

23/7/2019 là 4.386.828.998 đồng (Bốn tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng); trong đó: Nợ gốc: 2.964.191.645 đồng và nợ lãi: 1.692.637.353 đồng.

2.2. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu ISUZU, BKS: 29C-914.38, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 221265 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 08/07/2016 cấp cho Công ty Y, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đây là tài sản bảo đảm cho khoản vay của bị đơn tại Hợp đồng tín dụng số 110716-2814895-01-SME ngày 13/07/2016. Giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 110716-2814895-01-SME/TC ngày 13/07/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm Đà Nẵng. Việc ký kết hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 323, Điều 342, Điều 343 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012).

Tòa án đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, BKS: 29C-914.38 và hai lần triệu tập bị đơn mang xe ô tô đến xem xét thẩm định tại chỗ nhưng bị đơn vắng mặt; do đó, không có tài sản thế chấp để xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn khai, hiện Ngân hàng đang giữ bản chính đăng ký xe ô tô, không có thông tin hay khiếu nại về việc xe ô tô đã chuyển giao cho người thứ ba. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã xuất trình 02 văn bản ngăn chặn dịch chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản bảo đảm gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam và Phòng Cảnh sát giao thông vận tải – Công an thành phố Hà Nội.

Do bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử, nguyên đơn không biết hiện xe ô tô ở đâu, không có thông tin hay khiếu nại về việc xe ô tô đã chuyển giao cho người thứ ba, bản chính đăng ký xe nguyên đơn đang giữ, việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật, nguyên đơn cũng đã gửi văn bản ngăn chặn dịch chuyển quyền sở hữu, chuyển dịch tài sản bảo đảm đến Cục Đăng kiểm Việt Nam và Phòng Cảnh sát giao thông vận tải – Công an thành phố Hà Nội. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu Tòa án xác minh làm rõ xe ô tô do ai đang quản lý, có chuyển quyền sử dụng sang cho cá nhân hay cơ quan nào khác không Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên ngày 19/7/2019 không cần thiết. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát cũng đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không trả nợ, phù hợp với nhận định của Hội đồng

xét xử.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 110716-2814895-01-SME ngày 13/07/2016 và khế ước nhận nợ kèm theo, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu ISUZU, BKS: 29C-914.38, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 221265 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 08/07/2016 cho Công ty Y để thu hồi nợ.

Về án phí: Công ty Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 323; Điều 342, Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 79 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự

- Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012).

- Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng;

- Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005;

- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X đối với Công ty Y.
2. Buộc Công ty Y phải thanh toán trả cho Ngân hàng X theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 200616-2814895-01-SME ngày 22/06/2016, Hợp đồng tín dụng số 230516-2814895-01-SME ngày 24/05/2016 và Hợp đồng tín dụng số 110716-2814895-01-SME ngày 13/07/2016 và các khế ước nhận nợ kèm theo tạm tính đến hết ngày 23/7/2019 là:

- Nợ gốc: 2.964.191.645 đồng

- Nợ lãi: 1.692.637.353 đồng

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 4.386.828.998 đồng (Bốn tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng).

Trong đó, nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 110716-2814895-01-SME ngày 13/07/2016 và khế ước nhận nợ kèm theo tạm tính đến hết ngày 23/7/2019 là: 669.997.553 đồng, bao gồm: nợ gốc: 470.400.000 đồng, nợ lãi: 199.597.553 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo.

3. Trong trường hợp Công ty Y không trả được khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 110716-2814895-01-SME ngày 13/07/2016 và khế ước nhận nợ kèm theo, Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp là 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu ISUZU, BKS: 29C-914.38, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 221265 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 08/07/2016 cấp cho Công ty Y, xác lập thế chấp tại Ngân hàng X theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 110716-2814895-01-SME/TC ngày 13/07/2016 (đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm Đà Nẵng) để thu hồi nợ.

4. Về án phí:

Công ty Y phải chịu 112.386.829đ (Một trăm mười hai triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng X số tiền 56.026.294 đồng (Năm mươi sáu triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi tư đồng) tiền tạm ứng án phí

sơ thẩm Ngân hàng đã nộp theo Biên lai số 1376 ngày 18/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

Án xử công khai sơ thẩm.

Ngân hàng X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty Y có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Phương

